BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

của

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MUỐI MIỀN NAM

tại thời điểm 31/12/2012 kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN THỦ ĐÔ – CACC

Lô 12 - D4 - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội

ĐT: 04 6285 2318 - Fax: 04 6285 2317

Hà Nội, 2013

Nội dung	Trang số
Bìa + Mục lục	1-2
Báo cáo ban giám đốc	3-4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Bảng cân đối kế toán	7-8
Bảng kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuết minh Báo cáo tài chính	11-21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính bắt đầu từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Thông tin về Công ty:

- Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MUỐI MIỀN NAM**
- Tên giao dịch quốc tế: SOUTHERN SALT GROUP JOINT STOCK COMPANY.
- Tên viết tắt bằng tiếng anh: SOSAL GROUP JSC
- Cơ cấu vốn điều lệ là **500.000.000.000** đồng
- Công ty có trụ sở chính tại số 173 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005834 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 07 tháng 10 năm 2011 mã số doanh nghiệp: 0300547185 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Lĩnh vực kinh doanh :

  Khai thác đá, cát, đất sét; Sản xuất, mua bán các loại muối nguyên liệu, muối chế biến, muối iot, các mặt hàng thực phẩm có muối I ốt và các sản phẩm nước biển; Mua bán vật tư, công cụ, thiết bị phục vụ ngành sản xuất muối, bao bì; Kinh doanh vận tải hàng hóa; Sản xuất, mua bán nước mắm, nước đá cây, thức ăn gia súc; Mua bán thực phẩm, vật tư thiết bị vận tải, nguyên liệu – vật tư ngành may; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở); Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; Mua bán thực phẩm; nhà hàng ăn uống, nước giải khát, bia – nước ngọt; Xây dựng công trình loại vừa và nhỏ; xây dựng chung cư; sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê; Mua bán vật liệu xây dựng; San lấp mặt bằng; lắp đặt thiết bị công trình; xây dựng các công trình công nghiệp; trang trí nội thất, ngoại thất công trình; Chế biến, mua bán nông – lâm – thủy sản; Xây dựng công trình thương mại; kinh doanh kho bãi; mua bán phân bón, than đá, than bùn; Quản lý, bảo quản muối dự trữ quốc gia và muối dự trữ lưu thông; Mua bán thiết bị điện tử, máy văn phòng và thiết bị; đại lý dịch vụ bưu chính viễn thong; sản xuất lắp ráp, mua bán máy thu hình, thiết bị thu phát và linh kiện phụ tùng; Kinh doanh nhà ở, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc cho thuê; Mua bán xe ô tô, xe gắn máy; Tư vấn du học; đào tạo nghề; Bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống; Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại gồm quần áo, giầy dép đồ dung, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào; Bán lẻ nhiên liệu động cơ; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Vận chuyển hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa; Lưu giữ hàng hóa; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; Cho thuê xe có động cơ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc tại thời điểm kiểm toán

- Các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông	Trần Quang Phụng	:	Chủ tịch
Ông	Đặng Quý Thanh		Thành viên
Ông	Phan Văn Đào		Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Vần		Thành viên
Ông	Trần Nam Trung		Thành viên

- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty từ thời điểm 01/01/2012 bao gồm:

Ông	Trần Quang Phụng	:	Tổng Giám đốc
Ông	Phan Văn Đào	:	Phó Tổng giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Chất	:	Phó Tổng giám đốc
Ông	Đặng Quý Thanh	:	Phó Tổng giám đốc
Ông	Trần Nam Trung	:	Phó Tổng giám đốc

- Đại diện phòng Tài chính

Ông	Nguyễn Văn Vần	:	Kế toán trưởng

Tình hình tài chính và Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty, được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này, từ trang 07 đến trang 21.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, các hoạt động của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Muối Miền Nam trong năm 2012 được phản ánh trên Báo cáo này, không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến ngày lập báo cáo này.

Kiểm toán viên độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Thủ Đô được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp ục hoạt động kinh doanh .

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc

S.Đ.K.K.D: 4103001... C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MUỐI MIỀN NAM
QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

Trần Quang Phụng

CÔNG TY KIỂM TOÁN TƯ VẤN THỦ ĐÔ
Chuyên ngành kiểm toán tư vấn tài chính kế toán thuế
Trụ sở chính: Lô 16, D6 Khu quận uỷ Thanh Xuân, P. Thanh Xuân Bắc
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: (84-4)6 285 2318 * Fax: (84-4)6 285 2317

Số: 126/BCKT/TC

Ngày 27 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

của Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Do được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán sau ngày khóa sổ kế toán nên chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Do vậy, số liệu nêu trên trong bảng cân đối kế toán được căn cứ vào chứng từ tài liệu của đơn vị cung cấp.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết

thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN THỦ ĐÔ

Kiểm toán viên	**Tổng giám đốc**
Đỗ Thị Xuân	**Nguyễn Anh Tuấn**
Chứng chỉ kiểm toán viên	*Chứng chỉ kiểm toán viên*
số: 1488/KTV	*số: 1234/KTV*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Tài sản	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**766.242.055.546**	**321.005.920.108**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**96.414.934.583**	**7.623.613.069**
1. Tiền	111		96.414.934.583	7.623.613.069
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.02**	**366.219.000.000**	**244.379.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		366.219.000.000	244.379.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**V.03**	**230.760.738.133**	**18.055.732.933**
1. Phải thu của khách hàng	131		14.113.061.593	5.381.942.105
2. Trả trước cho người bán	132		1.373.000.000	219.429.410
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	215.274.676.540	12.454.361.418
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.04**	**48.949.370.630**	**33.730.689.096**
1. Hàng tồn kho	141		48.949.370.630	33.730.689.096
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**V.05**	**23.898.012.200**	**17.216.885.010**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.484.678	9.631.442.316
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.463.683	158.868.813
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác			23.863.063.839	7.426.573.881
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**340.695.681.907**	**504.909.198.585**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**42.315.122.128**	**32.653.212.453**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	2.998.301.300	3.469.538.226
- Nguyên giá	*222*		*10.206.974.005*	*9.673.268.005*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*223*		*(7.208.672.705)*	*(6.203.729.779)*
3. Tài sản cố định vô hình	227		46.719.637	50.056.717
- Nguyên giá	*228*		*100.112.582*	*100.112.582*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*229*		*(53.392.945)*	*(50.055.865)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	39.270.101.191	29.133.617.510
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**298.239.000.000**	**469.139.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		297.679.200.000	468.579.200.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	559.800.000	559.800.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**141.559.779**	**3.116.986.132**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	141.559.779	2.604.401.932
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	-	512.584.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.106.937.737.453**	**825.915.118.693**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**591.731.128.657**	**310.615.329.432**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**581.436.128.657**	**292.306.548.281**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	149.485.000.000	216.698.000.000
2. Phải trả người bán	312		318.277.126.675	10.202.417.360
3. Người mua trả tiền trước	313		22.006.555.376	62.078.407.964
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	3.558.808.658	1.671.673.009
5. Phải trả người lao động	315		-	58.790.100
6. Chi phí phải trả	316	V.13	-	-
7. Phải trả nội bộ	317		(44.114.757)	70.341.520
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	87.515.274.767	921.876.270
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi			637.477.938	605.042.058
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**10.295.000.000**	**18.308.781.151**
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**515.206.608.796**	**515.299.789.261**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.16	**515.206.608.796**	**515.299.789.261**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.607.750	23.607.750
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	13.672.498
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.478.570.059	1.478.570.059
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		632.953.074	632.953.074
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.071.477.913	13.150.985.880
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí sự nghiệp	431	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.106.937.737.453**	**825.915.118.693**
			-	-

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vần

Tổng Giám đốc

S.Đ.K.K.D: 4103005833 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MUỐI MIỀN NAM QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

Trần Quang Phụng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.17**	**549.527.290.533**	**249.164.017.102**
2. Các khoản giảm trừ	02	**VI.18**	**212.817.930**	**235.412.548**
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp D	**10**	**VI.19**	**549.314.472.603**	**248.928.604.554**
4. Giá vốn hàng bán	11	**VI.20**	533.291.855.164	227.670.010.195
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp I	**20**		**16.022.617.439**	**21.258.594.359**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**VI.21**	54.823.927.838	39.922.394.222
7. Chi phí tài chính	22	**VI.22**	37.533.587.318	27.838.762.271
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*37.527.713.400*	*27.792.141.771*
8. Chi phí bán hàng	24		11.002.226.486	12.061.775.401
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.396.531.377	9.219.978.428
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doar	**30**		**13.914.200.096**	**12.060.472.481**
11. Thu nhập khác	31		328.113.095	929.479.860
12. Chi phí khác	32		969.621.248	56.310.704
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(641.508.153)**	**873.169.156**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**13.272.691.943**	**12.933.641.637**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	**VI.23**	1.383.909.030	1.067.995.886
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**11.888.782.913**	**11.865.645.751**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**		-	-

Ghi chú: *(*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần.*

TP HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**
Nguyễn Văn Vần	**Trần Quang Phụng**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và	01	798.798.644.153	514.107.420.712
2. Tiền chi trả nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(224.857.738.513)	(166.828.300.239)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.580.898.571)	(4.616.623.786)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(36.433.856.318)	(37.226.284.193)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(620.222.727)	(34.457.107)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	543.270.291.886	31.880.614.292
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(517.969.003.451)	(26.655.658.759)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	***557.607.216.459***	***310.626.710.920***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và	21	(556.460.000)	(126.974.907)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	12.500.000.000	140.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của	23	(542.398.000.000)	(68.650.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ	24	420.558.000.000	571.697.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(21.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khá	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27	2.337.598.389	63.591.192.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(107.558.861.611)***	***(25.473.176.030)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-
1. Tiền thu từ phát hành cố phiếu, nhận vốn	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	130.765.000.000	111.609.700.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(492.022.033.334)	(386.974.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8.987.573.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chín	40	***(361.257.033.334)***	***(284.351.873.200)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	**88.791.321.514**	**801.661.690**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	**7.623.613.069**	**6.808.278.881**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	13.672.498
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**96.414.934.583**	**7.623.613.069**

TP.HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Vần	Trần Quang Phụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005834 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 07 tháng 10 năm 2011 mã số doanh nghiệp: 0300547185 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh :

Khai thác đá, cát, đất sét; Sản xuất, mua bán các loại muối nguyên liệu, muối chế biến, muối iot, các mặt hàng thực phẩm có muối I ốt và các sản phẩm nước biển; Mua bán vật tư, công cụ, thiết bị phục vụ ngành sản xuất muối, bao bì; Kinh doanh vận tải hàng hóa; Sản xuất, mua bán nước mắm, nước đá cây, thức ăn gia súc; Mua bán thực phẩm, vật tư thiết bị vận tải, nguyên liệu – vật tư ngành may; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở); Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; Mua bán thực phẩm; nhà hàng ăn uống, nước giải khát, bia – nước ngọt; Xây dựng công trình loại vừa và nhỏ; xây dựng chung cư; sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê; Mua bán vật liệu xây dựng; San lấp mặt bằng; lắp đặt thiết bị công trình; xây dựng các công trình công nghiệp; trang trí nội thất, ngoại thất công trình; Chế biến, mua bán nông – lâm – thủy sản; Xây dựng công trình thương mại; kinh doanh kho bãi; mua bán phân bón, than đá, than bùn; Quản lý, bảo quản muối dự trữ quốc gia và muối dự trữ lưu thông; Mua bán thiết bị điện tử, máy văn phòng và thiết bị; đại lý dịch vụ bưu chính viễn thong; sản xuất lắp ráp, mua bán máy thu hình, thiết bị thu phát và linh kiện phụ tùng; Kinh doanh nhà ở, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc cho thuê; Mua bán xe ô tô, xe gắn máy; Tư vấn du học; đào tạo nghề; Bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống; Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại gồm quần áo, giầy dép đồ dung, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào; Bán lẻ nhiên liệu động cơ; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Vận chuyển hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa; Lưu giữ hàng hóa; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; Cho thuê xe có động cơ.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Tài sản cố định của Công ty được ghi chép theo nguyên tắc giá gốc. Đối với tài sản cố định được hình thành qua quá trình đầu tư xây dựng cơ bản tự làm, nguyên giá được xác đinh là giá thành xây lắp theo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành được duyệt.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: tỉ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo nguyên giá gốc.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn trong Báo cáo tài chính là các khoản đầu tư được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm, đối với các khoản đầu tư có tổn thất Công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Thông tư 34/2011/TT-BTC sửa đổi Thông tư 228/2009 về Dự phòng về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi

phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận của hoạt động kinh doanh sau khi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có). Việc phân phối các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của đại Hội đồng cổ đông.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Công ty đăng ký thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: VND

V.01 . *Tiền và tương đương tiền*

	31/12/2012	*01/01/2012*
- Tiền mặt tại quỹ	18.081.151.116	5.058.792.289
- Tiền gửi ngân hàng (VND)	78.333.783.467	2.564.820.780
Cộng	**96.414.934.583**	**7.623.613.069**

V.02 . *Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn*

	31/12/2012	*01/01/2012*
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	366.219.000.000	244.379.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn *	-	-
Cộng	**366.219.000.000**	**244.379.000.000**

V.03 . *Các khoản phải thu ngắn hạn*

	31/12/2012	*01/01/2012*
- Phải thu của khách hàng	14.113.061.593	5.381.942.105
- Trả trước cho người bán	1.373.000.000	219.429.410
- Dư Nợ các khoản phải trả khác	-	912.617.837
- Phải thu khác	215.274.676.540	11.541.743.581
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Cộng	**230.760.738.133**	**18.055.732.933**

V.04 . *Hàng tồn kho*

	31/12/2012	*01/01/2012*
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	240.802	2.271.646
- Công cụ, dụng cụ	569.743.068	608.424.331
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
- Thành phẩm	185.471.891	725.042.641
- Hàng hóa	48.193.914.869	32.394.950.478
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Dự phòng hàng tồn kho *	-	-
Cộng	**48.949.370.630**	**33.730.689.096**

V.05 . *Tài sản ngắn hạn khác*

	31/12/2012	*01/01/2012*
- Chi phí trả trước ngắn hạn	10.484.678	9.631.442.316
- Tài sản ngắn hạn khác	23.863.063.839	7.426.573.881
Tạm ứng	*8.654.225.339*	*7.426.573.881*
Cộng	**23.873.548.517**	**17.058.016.197**

V.06 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	4.489.922.433	546.270.000	3.876.838.150	760.237.422	-	9.673.268.005
Số tăng trong kỳ	-	-	521.256.000	12.450.000	-	*533.706.000*
- Mua trong năm				*12.450.000*		*12.450.000*
- Đầu tư XDCB						-
- Tăng khác			*521.256.000*			*521.256.000*
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng b	-		-			-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	4.489.922.433	546.270.000	4.398.094.150	772.687.422	-	10.206.974.005
Giá trị hao mòn lũy						
Số dư đầu kỳ	3.300.658.848	429.034.535	1.926.330.309	547.706.087		6.203.729.779
Số tăng trong kỳ	109.712.748	35.346.192	789.392.136	70.491.850	-	1.004.942.926
- Khấu hao trong kỳ	*109.712.748*	*35.346.192*	*272.479.636*	*70.491.850*		*488.030.426*
- Tăng khác			*516.912.500*			*516.912.500*
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.410.371.596	464.380.727	2.715.722.445	618.197.937	-	7.208.672.705
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	1.189.263.585	117.235.465	1.950.507.841	212.531.335		3.469.538.226
Tại ngày cuối kỳ	1.079.550.837	81.889.273	1.682.371.705	154.489.485	-	2.998.301.300

V.07 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	*01/01/2012*
- *Công trình xây dựng siêu thị cao ốc VP Nhà Thủ Đức*	*22.759.534.907*	*22.759.534.907*
- *Công trình xây dựng kiot 333 Trần Văn Kiểu*	*8.979.538*	*8.979.538*
- *Tiền lãi công trình xây dựng 514 quốc lộ 13*	*15.717.805.581*	*6.096.361.310*
- *Chi phí san lấp công trình 514 Thủ Đức*	*468.930.000*	
- *Công trình nhà hàng 1534*	*26.680.000*	
- *Công trình xây dựng Cần Giuộc Long An*	*19.429.410*	*19.429.410*
- *Chi phí thanh lý TSCĐ của XN XK trên đất XD công trình*	*268.741.755*	*268.741.755*
Cộng	**39.270.101.191**	**29.153.046.920**

V.08 . Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012	*01/01/2012*
- Công ty Cổ phần muối Cam Ranh	559.800.000	559.800.000
- Dự phòng đầu tư dài hạn	-	-
Đầu tư dài hạn khác		
Cộng	**559.800.000**	**559.800.000**

V.09 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	*01/01/2012*
- Chi phí sửa chữa văn phòng	*105.259.779*	105.259.779
- Chi phí sửa chữa xe	*36.300.000*	
- Ký cược, ký quỹ		120.000.000
- Chi phí sửa chữa tại CN Hà Nội	-	2.379.142.153
Cộng	**141.559.779**	**2.604.401.932**

V.10 . Chi phí trả trước dài hạn khác

	31/12/2012	*01/01/2012*
- Tiền đặt cọc thuê nhà	-	512.584.200
-	-	
-		-
Cộng	-	**512.584.200**

V.11 . Các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2012	*01/01/2012*
- Vay ngân hàng (VND)	*126.107.000.000*	205.500.000.000
- Vay đối tượng khác (VND)	23.378.000.000	11.198.000.000
Cộng	**149.485.000.000**	**216.698.000.000**

V.12 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012	*01/01/2012*
- Thuế giá trị giá tăng	1.052.939.982	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.410.089.425	1.646.403.122
- Thuế thu nhập cá nhân	2.952.296	2.952.312
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất		-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	92.826.955	22.317.575
Cộng	**3.558.808.658**	**1.671.673.009**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V.13 . Chi phí phải trả

	31/12/2012	*01/01/2012*
-	-	-
Cộng	-	-

V.14 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012	*01/01/2012*
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn		-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	87.515.274.767	921.876.270
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Cộng	**87.515.274.767**	**921.876.270**

V.15 . Vay dài hạn và nợ dài hạn	*31/12/2012*	*01/01/2012*
Vay dài hạn	**10.295.000.000**	**18.102.033.334**
- Vay ngân hàng	-	-
NH NN&PTNT CN9		-
NH NN&PTNT CN Bình Phú	-	*6.250.000.000*
- Vay đối tượng khác	10.295.000.000	11.852.033.334
- Trái phiếu phát hành	-	-
Nợ dài hạn	-	-
- Thuê tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	**10.295.000.000**	**18.102.033.334**

V.16 . Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	**500.000.000.000**	-	-	**13.150.985.880**	**513.150.985.880**
Tăng vốn trong kỳ				-	-
Lãi trong kỳ				11.888.782.913	11.888.782.913
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ		-		-	-
Lỗ trong kỳ				-	-
Giảm khác	-			11.968.290.880	11.968.290.880
Số dư cuối năm	**500.000.000.000**	-	-	**13.071.477.913**	**513.071.477.913**

VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

VI.17 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	*Năm nay*	*Năm trước*
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	534.155.533.162	236.448.807.882
Doanh thu bán thành phẩm	15.154.266.275	11.373.316.205
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	217.491.096	1.341.893.015
Cộng	**549.527.290.533**	**249.164.017.102**

VI.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu	*Năm nay*	*Năm trước*
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại		
- Hàng bán bị trả lại	212.817.930	235.412.548
Cộng	**212.817.930**	**235.412.548**

VI.20. Giá vốn hàng bán	*Năm nay*	*Năm trước*
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	520.595.861.711	217.741.611.924
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	12.695.993.453	9.928.398.271
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	**533.291.855.164**	**227.670.010.195**

VI.21. Doanh thu hoạt động tài chính	*Năm nay*	*Năm trước*
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín p	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.197.696.000	6.926.008.000
- Lãi bán ngoại tệ	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	48.626.231.838	32.996.386.222
Cộng	**54.823.927.838**	**39.922.394.222**

VI.22. Chi phí tài chính	*Năm nay*	*Năm trước*
- Chi phí lãi tiền vay	37.527.713.400	27.792.141.771
- Chi phí lãi chậm trả tiền hàng	-	-
- Chi phí tài chính khác	5.873.918	46.620.500
Cộng	**37.533.587.318**	**27.838.762.271**

VI.23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	*Năm nay*	*Năm trước*
- Chi phí thuế TNDN	1.383.909.030	1.067.995.886
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Cộng	**1.383.909.030**	**1.067.995.886**

VIII. Những thông tin khác

1. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

- Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

- Số liệu đầu kỳ đã được so sánh với Báo cáo tài chính của Công ty CP Tập đoàn Muối Miền Nam đã được kiểm toán

3. Thông tin về hoạt động liên tục

- Báo cáo này được lập trên cơ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam hoạt động kinh doanh liên tục

4. Những thông tin khác

TP HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Vần	Trần Quang Phụng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MUỐI MIỀN NAM